TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc** ----------

Bản án số: 698/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà H Thị An.**
2. **Ông Nguyễn Hữu Đệ.**
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà H Thu Thảo.**
Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà N.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên toà*:**
Ông Nguyễn Xuân Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, Thành phố Hà N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 461/2024/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2024. Giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn**:* **Bà Lê Thị N**, sinh năm 1972.
Nơi cư trú: Thôn TO, xã TD, huyện Đông Anh, Thành phố Hà N.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn N**, sinh năm 1969.
Nơi cư trú: Thôn TO, xã TD, huyện Đông Anh, Thành phố Hà N.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Lê Thị N trình bày:**

- Về tình cảm: Bà và ông Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/10/1991 tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện Đông Anh, Thành phố Hà N. Đây là lần kết hôn đầu tiên của ông bà. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống tại thôn TO, xã TD, huyện Đông Anh, Thành phố Hà N cùng gia đình nhà chồng đến năm 2014 thì ra ở riêng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không phù hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm tới ai. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được chính quyền địa phương cùng gia đình hòa giải nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả.

Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Vì vậy bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung là Nguyễn Thế H sinh năm 1992 và Nguyễn Hồng H sinh năm 1994. Hiện nay các con đều có sức khoẻ tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài các vấn đề trên, bà N không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Bị đơn – Ông Nguyễn Văn N:** Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa án để làm việc, nhưng ông N đều không đến. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp đến nhà để lấy lời khai của ông N làm căn cứ giải quyết vụ án, tuy nhiên ông N đều vắng nhà, do vậy nên không lấy được lời khai của ông N.

<u>Tại phiên tòa</u>:

+ Bà Lê Thị N trình bày: Bà vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Hiện nay bà và ông N vẫn sống chung trong cùng một nhà tại thôn TO, xã TD, huyện Đông Anh, Thành phố Hà N, tuy nhiên ông bà đã ly thân từ 2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Ông N thường hay đi vắng, bà không biết ông N đi đâu làm gì.

Ông bà đã mâu thuẫn từ năm 2010 và đã quá trầm trọng, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thế H sinh năm 1992 và Nguyễn Hồng H sinh năm 1994. Hiện nay các con đều có sức khoẻ tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầuTòa án giải quyết.

+ Ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến***:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tống đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đã chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị N đối với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Bà N và ông N có 02 con chung Nguyễn Thế H sinh năm 1992 và Nguyễn Hồng H sinh năm 1994. Hiện nay các con đều có sức khoẻ tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện Đông Anh, Thành phố Hà N, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 quyển số 02 ngày 24/10/1991. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà N có đơn xin ly hôn với ông N. Bà N và ông N cùng có địa chỉ nơi cư trú tại thôn TO, xã TD, huyện Đông Anh, Thành phố Hà N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, quan hệ pháp luật là "Ly hôn".

[1.2] Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng ông N đều không đến. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp đến nhà để lấy lời khai của ông N, tuy nhiên ông N đều vắng nhà, do vậy nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà đối với ông N theo đúng quy định của pháp luật. Ông N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn N sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không phù hợp với nhau về tính cách, quan điểm, lối sống nên thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian, không ai quan tâm đến ai. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà N xin được ly hôn với ông N.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi ông bà chung sống thì bà N và ông N kết hôn và chung sống cùng nhau tại thôn TO, xã TD, huyện Đông Anh, Thành phố Hà N. Thời gian đầu ông bà chung sống cùng nhau không có điều tiếng gì, chỉ đến những năm gần đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được, theo cung cấp từ gia đình thì do ông N có mối quan hệ ngoại tình bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích. Hiện tại ông N vẫn đăng ký cư trú và sinh sống tại địa phương, tuy nhiên ông N chỉ ở nhà vài ngày thì lại đi một thời gian rồi lại về, ông N đi đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông N là có thực. Sau khi kết hôn ông bà sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện mối quan hệ để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc bà N xin ly hôn ông N là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông N có 02 con chung là Nguyễn Thế H sinh năm 1992 và Nguyễn Hồng H sinh năm 1994. Hiện nay các con đều có sức khoẻ tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.
   Bà Lê Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung**:** Xác nhận bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn N có 02 con chung là Nguyễn Thế H sinh năm 1992 và Nguyễn Hồng H sinh năm 1994. Hiện nay các con đều có sức khoẻ tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn N đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền số 0071198, ký hiệu BLTU/23 ngày 26/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận bà N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Bà Lê Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà N;
- UBND X.TD, H.Đông Anh, TP.Hà N;
- Lưu hồ sơ.